

Ký hiệu	Tên thành phần	Nhóm (Ho)	Hàng (Cấp độ)	Mô tả chi tiết	Ví dụ/Ứng dụng	Nguồn
Pr	Prompt (Nhắc nhở)	Reactive (Phản ứng)	Primitives (Nguyên thủy)	Các hướng dẫn cung cấp cho AI để thực hiện nhiệm vụ như tóm tắt hoặc viết email. Mang tính nguyên tử, không thể chia nhỏ hơn.	Viết email, tóm tắt tài liệu, giải thích vật lý lượng tử.	1
Em	Embeddings (Nhúng)	Retrieval (Truy xuất)	Primitives (Nguyên thủy)	Biểu diễn số học của ý nghĩa văn bản, giúp AI tìm kiếm và ghi nhớ bằng cách so sánh các con số tương tự.	Cơ sở dữ liệu vecto, tìm kiếm ngữ nghĩa (semantic search).	1
Lg	Large Language Model (Mô hình ngôn ngữ lớn)	Models (Mô hình)	Primitives (Nguyên thủy)	Khả năng nén và tái tạo ôn định mà cần thành phần khác phản ứng xung quanh giống như khi hiến trong hóa học.	ChatGPT, Claude, IBM Granite.	1
Fc	Function Calling (Gọi hàm)	Reactive (Phản ứng)	Compositions (Hợp thành)	Khi LLM gọi một công cụ hoặc API bên ngoài trước khi đưa ra câu trả lời để lấy dữ liệu thực tế.	Gọi API thời tiết để cập nhật dữ liệu thời gian thực.	1
Vx	Vector Databases (Cơ sở dữ liệu vecto)	Retrieval (Truy xuất)	Compositions (Hợp thành)	Kho lưu trữ dữ liệu được tối ưu hóa cho tìm kiếm ngữ nghĩa, có thể lưu trữ và truy vấn hàng triệu bản nhúng.	Lưu trữ dữ liệu cho hệ thống RAG.	1
Rg	RAG (Retrieval Augmented Generation)	Orchestration (Điều phối)	Compositions (Hợp thành)	Điều phối việc truy xuất ngữ cảnh từ tài liệu qua embeddings và vector DB để làm phong phú prompt cho LLM.	Chatbot trả lời dựa trên tài liệu nội bộ của công ty.	1
Gr	Guardrails (Rào chắn)	Validation (Xác thực)	Compositions (Hợp thành)	Bộ lọc an toàn và kiểm tra tính hợp lệ trong thời gian chạy để ngăn AI đưa ra nội dung đột hại hoặc rác.	Lọc thông tin nhạy cảm, kiểm tra định dạng đầu ra.	1
Mm	Multi-modal Models (Mô hình đa phương thức)	Models (Mô hình)	Compositions (Hợp thành)	Các mô hình ngôn ngữ lớn có khả năng xử lý đồng thời hình ảnh, âm thanh và văn bản.	Tạo hình ảnh từ văn bản, phân tích video.	1
Ag	Agents (Tác nhân)	Reactive (Phản ứng)	Deployment (Triển khai)	Sử dụng vòng lặp "Suy nghĩ-Hành động-Quan sát" để tự thực hiện các bước nhằm đạt được mục tiêu cụ thể.	Đặt vé máy bay tự động theo yêu cầu ngân sách.	1
Ft	Fine-tuning (Tinh chỉnh)	Retrieval (Truy xuất)	Deployment (Triển khai)	Thích ứng mô hình nén bằng cách huấn luyện thêm trên dữ liệu chuyên biệt để "nourish" trí nhớ vào trọng số mô hình.	Huấn luyện mô hình trên hồ sơ y tế hoặc mã nguồn công ty.	1
Fw	Framework (Khung làm việc)	Orchestration (Điều phối)	Deployment (Triển khai)	Các nền tảng liên kết tất cả thành phần lại với nhau để xây dựng và triển khai hệ thống AI.	LangChain.	1
Rt	Red Teaming (Kiểm thử xâm nhập)	Validation (Xác thực)	Deployment (Triển khai)	Kiểm tra đối kháng để tìm cách phá vỡ AI, bao gồm bẻ khóa (jailbreak) và tiêm lệnh (prompt injection).	Thử nghiệm bảo mật chống tấn công dữ liệu.	1
Sm	Small Models (Mô hình nhỏ)	Models (Mô hình)	Deployment (Triển khai)	Các mô hình được chung kết, chuyên biệt hóa, nhẹ và nhanh, có thể chạy trên điện thoại.	Ứng dụng AI chạy cục bộ trên thiết bị di động.	1
Ma	Multi-agent (Đa tác nhân)	Reactive (Phản ứng)	Emerging (Mới nổi)	Nhiều AI làm việc cùng nhau, tranh luận và cộng tác để giải quyết các vấn đề phức tạp.	Một tác nhân nghiên cứu, một tác nhân viết, một tác nhân phản biện.	1
Sy	Synthetic Data (Dữ liệu tổng hợp)	Retrieval (Truy xuất)	Emerging (Mới nổi)	Sử dụng AI để tạo ra dữ liệu huấn luyện cho các AI khác khi thiếu dữ liệu thực tế.	Tạo kịch bản giả lập để huấn luyện mô hình.	1
In	Interpretability (Khả năng giải thích)	Validation (Xác thực)	Emerging (Mới nổi)	Hiểu tại sao mô hình đưa ra quyết định bằng cách soi vào bên trong "hộp đen" và các nơron.	Nghiên cứu an toàn AI ở cấp độ biến.	1
Th	Thinking Models (Mô hình tư duy)	Models (Mô hình)	Emerging (Mới nổi)	Các mô hình có chuỗi tư duy (chain of thought) tích hợp, dành thời gian suy luận trước khi trả lời.	Các mô hình thông minh nhất hiện nay sử dụng tính toán thời gian kiểm tra.	1

Chỉ mục	Tài liệu tham khảo				
1	AI Periodic Table Explained: Mapping LLMs, RAG & AI Agent Frameworks				